

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/KDTM -ST
Ngày: 12 tháng 3 năm 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng cổ phần và đòi tài sản.



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Các Hội thẩm nhân dân

Bà Hoàng Thị Thoa
Ông Nguyễn Quang Đạt
Bà Nguyễn Thị Hồng
Ông Đặng Thanh Tùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 và 12 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2022/TLST-KDTM ngày 01/4/2022, về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2023/QĐXX-ST ngày 03/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐST-KDTM ngày 23/8/2023; Các thông báo mở lại phiên tòa ngày 05/01/2024 và ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà CEO, Lô HH2 -1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tử Giang – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Khổng Thị Thu An, sinh năm 1972 - Cán bộ pháp chế Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam - Theo văn bản ủy quyền số 1544/UQ-XLTK ngày 30/6/2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phí Mạnh Hùng – Công ty Luật TNHH Hùng Phí (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội (PVC/PVR).

Địa chỉ trụ sở: Số 143, Ngõ 85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Duy Điền – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu Hằng, địa chỉ: Số 10 Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội, theo Giấy ủy quyền ngày 13/5/2022 (có mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt ngày tuyên án).

3. Công ty cổ phần đầu tư thương mại dầu khí Việt Nam (PVCI)

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà A15, khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoài Nam – Tổng giám đốc (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “**Tổng PVC**”) là một trong các cổ đông sáng lập tại Công ty cổ phần phát triển đô thị Việt Đức (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025327 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/2008), Tổng PVC sở hữu số lượng 1,5 triệu cổ phần phổ thông, giá trị 10.000.000đồng/cổ phần tương đương 15.000.000.000đồng (mười lăm tỷ đồng), chiếm 18,18% vốn điều lệ tại Công ty Việt Đức. Ngày 08/5/2009, Công ty Việt Đức đăng ký thay đổi lần 1 thành Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam (nay là Công ty cổ phần đầu tư thương mại dầu khí Việt Nam – gọi tắt là “**Công ty PVCI**”).

Ngày 05/12/2011, Tổng PVC do ông Trương Quốc Dũng – Phó tổng giám đốc đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam - PVCR (nay là “**Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội**” - gọi tắt là “**Công ty PVR**”) do ông Nguyễn Tuấn Anh – giám đốc đại diện ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVR (gọi tắt là “**Hợp đồng 76**”). Theo đó Tổng PVC chuyển nhượng toàn bộ số lượng 1,5 triệu cổ phần đang sở hữu tại Công ty PVCI cho Công ty PVR, giá trị chuyển nhượng là 12.000.000đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng 18.000.000.000đồng (mười tám tỷ đồng).

Theo Hợp đồng 76, Công ty PVR phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký Hợp đồng. Sau khi hai bên ký Hợp đồng 76, Tổng PVC đã làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho Công ty PVR, Công ty PVR đã được ghi nhận tăng cổ phần sở hữu trong danh sách cổ đông do Công ty PVCI phát hành từ tháng 12/2011

. Tuy nhiên Công ty PVR không thực hiện việc trả tiền 18.000.000.000đồng (mười tám tỷ đồng) theo thoả thuận.

Ngoài ra năm 2011, Tổng PVC là cổ đông của Công ty PVCR với số vốn góp là 181.519.800.000đồng, tương đương 181.151.980 cổ phần. Đại hội cổ đông bất thường năm 2011 của Công ty PVCR đã ban hành Nghị quyết số 368/NQ-ĐHCD ngày 21/12/2011, trong đó nội dung thông qua việc chi trả cổ tức năm 2011. Theo đó, cổ đông của Công ty PVCR được nhận tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền với tỷ lệ thực hiện là 5% cổ phần (01 cổ phần được nhận 500 đồng). Do vậy, Tổng PVC được hưởng cổ tức năm 2011 tại PVCR là 181.519.800.000đồng x 5% = 9.075.990.000đồng.

Ngày 16/02/2013, Công ty PVR đã trả Tổng PVC một phần cổ tức năm 2011



là 3.500.000.000đồng. Số tiền cổ tức Công ty PVR còn nợ Tổng PVC là 9.075.990.000đồng - 3.500.000.000đồng = 5.575.990.000đồng.

Ngày 29/7/2015, Tổng PVC do ông Hoàng Quốc Khánh – Phó trưởng ban TCKT-KT đại diện và Công ty PVR do bà Nguyễn Thị Hà Thu kế toán trưởng đại diện ký biên bản đối chiếu công nợ có đóng dấu của Tổng PVC và Công ty PVR. Nội dung hai bên xác nhận và thống nhất công nợ được hình thành từ năm 2011, trong đó Công ty PVR đã xác nhận các khoản công nợ với Tổng PVC bao gồm: Công nợ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty PVCI theo Hợp đồng 76/2011 là 18.000.000.000đồng; tiền nợ cổ tức năm 2011 là: 5.575.990.000đồng. Ngày 29/9/2015 và ngày 08/12/2015 tại biên bản làm việc được ký bởi đại diện theo pháp luật của Tổng PVC và Công ty PVR về việc thống nhất thanh toán công nợ giữa hai bên, Công ty PVR xác nhận khoản còn nợ với Tổng PVC đối với Hợp đồng 76 và số tiền nợ cổ tức năm 2011 gồm 18.000.000.000đồng + 5.575.990.000đồng = 23.575.990.000đồng và cam kết trả các khoản nợ trên.

Ngày 20/10/2016 Công ty PVR có văn bản số 542/CV-PVCR gửi đến Tổng PVC với nội dung xác nhận rằng: Tổng PVC đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng sang tên toàn bộ 1,5 triệu cổ phần tại Công ty PVCI cho Công ty PVR. Tuy nhiên đến nay do Công ty PVR thay đổi nhân sự quản lý cấp cao Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc nên Công ty PVR chối bỏ trách nhiệm và không thực hiện cam kết trả nợ với Tổng PVC.

Nay, Tổng PVC đề nghị Tòa án xem xét và tuyên buộc Công ty PVR phải thanh toán trả Tổng PVC số tiền nợ gốc theo Hợp đồng chuyển nhượng số 76/2011 là 18.000.000.000đồng, tiền nợ cổ tức năm 2011 là 5.575.990.000đồng. Tổng là 23.575.990.000đồng.

Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán các khoản nợ trên, Tổng PVC căn cứ Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác”. Căn cứ Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 quy định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự như sau “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Căn cứ Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0% năm.

Đối với số tiền lãi của Hợp đồng 76: Căn cứ khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng số 76 quy định Công ty PVCR thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Tổng PVC chậm nhất là ngày 31/03/2012. Do đó ngày 01/4/2012 là ngày bắt đầu Công ty PVR vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Số ngày chậm thanh toán từ ngày 01/4/2012 đến ngày 12/03/2024 (ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm) là 4363 ngày là 18.000.000.000 đồng * (9%/365 ngày) * 4363 ngày = 19.364.547.945đồng. Tổng



cộng số tiền nợ gốc và lãi suất của Hợp đồng số 76 mà Công ty PVR phải trả cho Tổng PVC là: 18.000.000.000 đồng + 19.364.547.945 đồng = 37.364.547.945 đồng.

Đối với số tiền lãi do chậm trả tiền cổ tức năm 2011 được chia làm 2 giai đoạn bao gồm: Giai đoạn 1 - Căn cứ Nghị quyết số: 28/NQ-HĐQT-PVCR ngày 15/02/2012 của HĐQT Công ty PVR về việc phê duyệt gia hạn thời gian chi trả cổ tức năm 2011, Công ty PVR ấn định thời gian chi trả cổ tức năm 2011 là ngày 05/07/2012. Vì vậy kể từ ngày 06/07/2012 là ngày Công ty PVR bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 16/02/2013, Công ty PVR đã trả một phần cổ tức năm 2011 cho PVC với số tiền là 3.500.000.000 đồng. Như vậy ngày 06/07/2012 đến ngày 16/02/2013 số ngày vi phạm chậm trả là 225 ngày sẽ được tính là $9.075.990.000 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \text{ ngày} \times 225 \text{ ngày} = 503.530.952 \text{ đồng}$. Giai đoạn 2: Từ ngày 17/02/2013 số tiền Công ty PVR còn nợ lại là 5.575.990.000 đồng, thời gian chậm trả tính từ ngày 17/02/2013 đến ngày 12/03/2024 là 4041 ngày, sẽ được tính là $5.575.990.000 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \text{ ngày} \times 4041 \text{ ngày} = 5.555.977.543 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi chậm trả của hai giai đoạn là: $503.530.952 \text{ đồng} + 5.555.977.543 \text{ đồng} = 6.059.508.495 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất mà Công ty PVR phải trả cho Tổng PVC của tiền cổ tức năm 2011 là: $5.575.990.000 \text{ đồng} + 6.059.508.495 \text{ đồng} = 11.635.498.495 \text{ đồng}$

Buộc Công ty PVR phải trả cho Tổng PVC số tiền tạm tính đến ngày 12/3/2024 theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số: 76/2011/PVC-PVCR ngày 05/12/2011 là 37.364.547.945 đồng (trong đó bao gồm tiền gốc 18.000.000.000 đồng và lãi suất 19.364.547.945 đồng). Tiền nợ cổ tức năm 2011 là: 11.635.498.495 đồng (trong đó tiền gốc là 5.575.990.000 đồng và tiền lãi suất 6.059.508.495 đồng). Tổng cộng là **49.000.046.440 đồng**.

Ngoài ra Công ty PVR còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Tổng PVC rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty PVR về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại theo đơn khởi kiện ban đầu. Ngoài ra Tổng PVC không có yêu cầu gì khác.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Công ty PVR xác nhận ngày 05/12/2011, giữa Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam - PVCR nay là Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội (PVR) có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/ PVC-PVR (gọi tắt là "**Hợp đồng 76**") về việc chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần do Tổng PVC đang sở hữu tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC), giá trị chuyển nhượng 12.000 đồng/cổ phần bằng 18.000.000.000 đồng (*mười tám tỷ đồng*). Các nội dung, điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên sau khi hai bên ký kết Hợp đồng, giữa bên bán và bên mua chưa thực hiện



bất cứ nội dung nào của Hợp đồng 76, cụ thể:

Bên bán Tổng PVC chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu 1,5 triệu cổ phần tương đương 18,18% vốn điều lệ của Công ty PVCI cho Công ty PVR. Thực tế kể từ khi ký Hợp đồng đến nay Tổng PVC vẫn là chủ sở hữu 1,5 triệu cổ phần phổ thông của Công ty PVCI. Bên mua Công ty PVR chưa chuyển tiền thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký và không nắm giữ - chưa được chuyển giao quyền sở hữu 1,5 triệu cổ phần phổ thông của Công ty PVCI.

Cả Tổng PVC và Công ty PVR chỉ mới ký Hợp đồng mà chưa thực hiện bất cứ nội dung nào - chưa thực hiện Hợp đồng. Do vậy việc Tổng PVC khởi kiện đòi công nợ từ việc chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng 76/2011 đối với Công ty PVR là không có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của Tổng PVC khởi kiện đòi cổ tức năm 2011, Công ty PVR xác nhận số tiền cổ tức năm 2011 mà Công ty PVR còn nợ Tổng PVC là 5.575.990.000đồng, số nợ này vẫn được thể hiện nợ trên báo cáo tài chính hàng năm của Công ty PVR, hiện Công ty PVR đang thu xếp các nguồn tài chính để cho trả cổ tức cho các cổ đông.

Công ty PVR xác nhận hai bên có ký các biên bản đối chiếu công nợ và các biên bản làm việc với nhau liên quan đến việc giải quyết công nợ đối với Hợp đồng 76 và tiền nợ cổ tức. Tuy nhiên Công ty PVR chỉ xác nhận nợ Tổng PVC số tiền cổ tức năm 2011 là 5.575.990.000đồng; Đối với số tiền nợ 18.000.000.000đồng do nhận chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần của Tổng PVC tại Công ty PVCI, bị đơn không xác nhận vì các bên mới chỉ ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, còn thực tế bị đơn chưa nhận được số cổ phần này từ phía nguyên đơn và Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI) nên nguyên đơn không có căn cứ để khởi kiện đòi số tiền nợ này. Ngoài ra Công ty PVR không chấp nhận yêu cầu nào khác của Tổng PVC.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần đầu tư thương mại dầu khí Việt Nam (PVCI) do ông Phạm Hoài Nam - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Năm 2011, Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông thông qua góp vốn tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam (nay là Công ty cổ phần đầu tư thương mại dầu khí Việt Nam (PVCI) với số lượng 1,5 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000đồng/cổ phần, giá trị vốn góp là 15.000.000.000đồng, chiếm 18,18% vốn điều lệ Công ty PVCI.

Về Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 76/2011/PVC-PVR ngày 05/12/2011 giữa bên chuyển nhượng Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và bên nhận chuyển nhượng Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVCR), Công ty PVCI không biết nội dung Hợp đồng 76 này, bộ phận văn thư của Công ty cũng không lưu trữ Hợp đồng này. Hiện ông Nam là Tổng giám đốc Công ty PVCI về nhận công tác từ tháng 5/2015, nên không



có thông tin về Hợp đồng này.

Tháng 5/2015, khi nhận tài liệu bàn giao từ Tổng giám đốc tiền nhiệm, Công ty PVCI nhận danh sách các cổ đông của Công ty, trên danh sách có thể hiện Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVCR) là cổ đông của Công ty PVCI. (Công ty PVCI đã gửi kèm danh sách cổ đông của Công ty cho Tòa án).

Đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng PVC đối với Công ty PVR liên quan đến Hợp đồng 76, Công ty PVCI đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Công ty PVCI đề nghị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị đơn theo nội dung đã nêu tại đơn khởi kiện ban đầu, còn lại vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Nguyên đơn xác nhận đối với Hợp đồng 76 nguyên đơn đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được ghi nhận số cổ phần tăng thêm trong danh sách cổ đông của Công ty PVCI từ ngày 31/12/2011 đến nay. Kể từ năm 2011 đến nay giữa hai bên có rất nhiều biên bản đối chiếu công nợ và biên bản làm việc liên quan đến số tiền nợ này, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả dứt điểm số tiền nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện dẫn đến khó khăn về tài chính cho nguyên đơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy buộc Công ty PVR phải trả Tổng PVC số tiền nợ gốc của Hợp đồng chuyển nhượng 76 và tiền nợ cổ tức năm 2011 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024 là 23.575.990.000đồng và tiền lãi do chậm thanh toán số nợ tiền gốc nêu trên với mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.424.056.440đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là **49.000.046.440đồng**. Ngoài ra Công ty PVR tiếp tục phải chịu tiền lãi của số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận số tiền nợ cổ tức năm 2011 của Tổng PVC tính đến ngày 12/3/2024 là 5.575.990.000đồng. Đối với số tiền nợ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 76/2011 là 18.000.000.000đồng, mặc dù giữa hai bên có các biên bản đối chiếu công nợ và biên bản làm việc nhưng bị đơn không xác nhận số tiền nợ này vì đến nay bị đơn vẫn chưa nhận được số cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng này từ Tổng PVC và Công ty PVCI. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, bị đơn không chấp nhận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Tổng PVC trình bày:

- Hợp đồng 76 được Tổng PVC và Công ty PVR ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Luật doanh nghiệp về chuyển nhượng cổ phần nên có hiệu lực thi hành. Hợp đồng 76 các bên

thoả thuận không hủy ngang, Tổng PVC đã thực hiện chuyển nhượng xong toàn bộ 1,5 triệu cổ phần cho Công ty PVR, được thể hiện bằng việc Công ty PVR đã được ghi nhận số cổ phần tăng thêm trong danh sách cổ đông của Công ty PVCI từ ngày 31/12/2011, cụ thể số cổ phần của Công ty PVR tại Công ty PVCI ngày 05/12/2011 từ 335.000 cổ phần đến ngày 31/12/2011 lên đến 1.835.000 cổ phần tương đương 18.350.000.000đồng, chiếm 22,24% vốn điều lệ của PVCI. Tổng PVC không còn là cổ đông trong danh sách cổ đông của PVCI. Các bên đã có nhiều biên bản chốt công nợ và biên bản làm việc liên quan đến giải quyết hai khoản công nợ tồn đọng. Tại các bản kết luận kiểm toán do các Công ty kiểm toán thực hiện đối với Công ty PVR từ năm 2011 đến 2022 đều ghi nhận số tiền nợ phải trả Tổng PVC do nhận chuyển nhượng cổ phần là 18 tỷ đồng; Đối với số tiền nợ cổ tức năm 2011 đều được các bên thừa nhận số tiền Công ty PVR chưa thanh toán với số liệu khớp nhau. Do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng PVC đối với Công ty PVR.

Về số tiền lãi do chậm trả tiền của Hợp đồng 76 và tiền nợ cổ tức năm 2011 nguyên đơn áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 về nghĩa vụ chậm trả tiền và áp dụng mức lãi suất cơ bản theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với mức lãi suất cơ bản 9%. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án Thanh Xuân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, việc tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát tuân thủ đúng thời gian, đầy đủ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 122, 290, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 79, 84, 86, 87 Luật doanh nghiệp 2005; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam đối với Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội. Buộc Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội phải thanh toán trả Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam số tiền nợ của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVR ngày 05/12/2011 và tiền nợ cổ tức năm 2011, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024 là 49.000.046.440đồng; Trong đó tiền nợ gốc là 23.575.990.000đồng, tiền lãi chậm trả là 25.424.056.440đồng

Cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt

Nam đối với Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị đơn phải chịu án phí KDTM theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) khởi kiện đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội (PVR) về việc yêu cầu thanh toán trả tiền nợ cổ tức và tiền nợ từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và đòi tài sản”, tranh chấp này phát sinh giữa hai pháp nhân đều có đăng ký kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội (PVR) có trụ sở hoạt động thể hiện trên đăng ký kinh doanh tại quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán trả tiền nợ của Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVCR ngày 05/12/2011 và tiền nợ cổ tức năm 2011. Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi Tổng PVC thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cổ phần sang cho Công ty PVR và PVR được ghi nhận vào danh sách cổ đông của Công ty PVCI, giữa hai bên ký các biên bản đối chiếu công nợ và có nhiều biên bản làm việc thống nhất phương án thanh toán công nợ, lần cuối hai bên ký biên bản làm việc là ngày 08/12/2015, tuy nhiên bị đơn không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận. Ngày 11/5/2017 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội, có Giấy xác nhận nhận đơn khởi kiện và chưa thụ lý vụ án. Sau đó nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân do địa chỉ của bị đơn hiện đã chuyển về quận Thanh Xuân và có văn bản cam kết đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông ngày 22/01/2022. Ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết vụ án, do vậy xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc trường hợp còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVR ngày 05/12/2011, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) là một trong bốn cổ

đồng sáng lập của Công ty cổ phần phát triển đô thị Việt Đức (địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025327 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/2008, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Hiền - Chủ tịch HĐQT. Số vốn góp của Tổng PVC tại Công ty Việt Đức là 1,5 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000đồng/cổ phần, giá trị vốn góp là 15.000.000.000đồng do ông Đàm Đại Thắng là người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng PVC tại Công ty Việt Đức. Ngày 08/5/2009 Công ty cổ phần phát triển đô thị Việt Đức đăng ký thay đổi lần 1 đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam đến nay là Công ty cổ phần đầu tư thương mại dầu khí Việt Nam (PVCI).

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thấy rằng ngày 21/6/2011 Công ty PVR có văn bản số 40/PVCR-HĐQT gửi Tổng PVC về việc đề nghị Tổng PVC cho phép Công ty PVCR nhận chuyển nhượng phần vốn của Tổng PVC tại Công ty PVCI. Ngày 01/7/2011 Hội đồng quản trị Tổng PVC có nghị quyết số 607/NQ-XLDK chấp thuận đề nghị của người đại diện phần vốn góp của Tổng PVC tại Công ty PVCI về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty PVC tại Công ty PVCI cho Công ty PVR.

Ngày 05/12/2011 Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí Việt Nam (PVCI) thay đổi đăng ký lần thứ 11 và Tổng PVC vẫn sở hữu 1,5 triệu cổ phần phổ thông tại Công ty PVCI, giá trị 15.000.000.000đồng, chiếm tỷ lệ 18,18% vốn điều lệ của Công ty PVCI.

Ngày 05/12/2011, Tổng PVC do ông Trương Quốc Dũng – Phó tổng giám đốc đại diện theo ủy quyền và Công ty PVCR (nay là “Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội” - gọi tắt là “**Công ty PVR**”) do ông Nguyễn Tuấn Anh – giám đốc đại diện ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVR (gọi tắt là “**Hợp đồng 76**”). Nội dung hợp đồng 76 hai bên thỏa thuận về việc Tổng PVC chuyển nhượng toàn bộ số lượng 1,5 triệu cổ phần đang sở hữu tại Công ty PVCI cho Công ty PVR, giá trị chuyển nhượng là 12.000đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng 18.000.000.000đồng (*mười tám tỷ đồng*). Ngoài ra Hợp đồng còn quy định các điều khoản khác như phương thức giao dịch, cam kết chuyển nhượng, quyền và nghĩa vụ của các bên...

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005, tại Điều 84 quy định về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: “*Khoản 5: Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác..., nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông...*

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi

bỏ". Như vậy việc Tổng PVC ký chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình đang sở hữu tại Công ty PVCI cho Công ty PVR là phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp.

Xét thấy việc hai bên ký Hợp đồng dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, chủ thể ký kết đúng thẩm quyền, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực và có giá trị thi hành đối với các bên.

Về quá trình thực hiện Hợp đồng, thấy rằng tại Điều 3 quy định về phương thức thanh toán, trong đó chia làm 03 đợt bao gồm tạm ứng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng, tương ứng là 5.400.000.000 đồng (*năm tỷ bốn trăm triệu đồng*). Ngay sau khi nhận được tạm ứng, Tổng PVC có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, sang tên số cổ phần này cho Công ty PVCR. Thủ tục chuyển nhượng được coi là hoàn tất khi Công ty PVCR được ghi nhận tăng số cổ phần sở hữu nói trên từ Tổng PVC cho Công ty PVCR trong danh sách cổ đông do Công ty PVCI phát hành...PVCR thanh toán 40% tương ứng 7.200.000.000 đồng và thanh toán toàn bộ giá trị còn lại là 5.400.000.000 đồng chậm nhất là ngày 31/3/2012.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận kể từ khi ký Hợp đồng 76 đến nay, bị đơn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng hiện vẫn chưa được chuyển giao quyền sở hữu đối với 1,5 triệu cổ phiếu từ Tổng PVC, hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Công ty PVCI giao nộp cho Tòa án, tại bảng danh sách cổ đông của Công ty PVCI tính đến ngày 05/12/2011 thể hiện Tổng PVC vẫn đang sở hữu 1,5 triệu cổ phần tương ứng với giá trị 15.000.000.000 đồng; Công ty PVCR sở hữu 335.000 cổ phần tương đương 3.350.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2011 số cổ phần của Công ty PVCR được ghi nhận trong danh sách cổ đông của Công ty PVCI tăng lên thành 1.835.000 cổ phiếu tương ứng giá trị 18.350.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 22,24% cổ phần tại Công ty PVCI, Tổng PVC không thể hiện còn là cổ đông trong danh sách cổ đông của Công ty PVCI.

Như vậy, mặc dù Công ty PVR chưa thực hiện việc tạm ứng thanh toán cho Tổng PVC theo thỏa thuận tại Hợp đồng, tuy nhiên Công ty PVR đã được ghi nhận tăng số cổ phần sở hữu trong danh sách cổ đông tại Công ty PVCI. Căn cứ theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng 76: "*Thủ tục chuyển nhượng được coi là hoàn tất khi PVCR được ghi nhận tăng số cổ phần sở hữu nói trên từ PVC cho PVCR trong danh sách cổ đông do PVCI phát hành*". Do vậy có căn cứ để xác nhận Tổng PVC đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, sang tên cổ phần cho Công ty PVR và Hợp đồng 76 được coi là đã hoàn thành.

Mặt khác, sau khi Công ty PVR đã được ghi nhận số cổ phần nhận chuyển nhượng từ Tổng PVC trong danh sách cổ đông của Công ty PVCI, giữa nguyên đơn, bị đơn ký 02 biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 30/10/2012 và ngày 29/7/2015 đều xác nhận số tiền Công ty PVCR còn nợ Tổng PVC tiền mua cổ phần

là 18.000.000.000đồng và có nhiều biên bản làm việc thống nhất thanh toán số công nợ này.

Ngoài ra Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán tài chính hàng năm đối với Công ty PVCR. Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán tài chính năm 2011, 2012, 2013 có văn bản phản hồi và xác nhận trong bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty PVCR đều thể hiện khoản phải trả Tổng PVC số tiền 18.000.000.000đồng về việc nhận chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần tại Công ty PVCI.

Tại công văn số 2991122.020/CV.KT7 ngày 29/11/2022 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán tài chính năm 2021 đối với Công ty PVCR nêu: Ngày 20/01/2022 Công ty PVR đã công bố Báo cáo tài chính quý 4 trước kiểm toán trên trang Web của Công ty. Tại nội dung tại thuyết minh 09 - Nợ ngắn hạn trong báo cáo tài chính Quý 4 của Công ty PVR công bố đã trình bày khoản phải trả cho Tổng PVC về việc nhận chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần của Công ty PVCI số tiền là 18.000.000.000đồng. Như vậy Công ty PVR đều xác nhận tại các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm từ 2011 đến 2022 về khoản nợ phải trả Tổng PVC do nhận chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần với giá trị 18.000.000.000đồng của Công ty PVCI.

Từ những căn cứ, phân tích trên có cơ sở để xác định Hợp đồng 76 đã được Tổng PVC thực hiện và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 1,5 triệu cổ phần của mình tại Công ty PVCI cho Công ty PVR, Công ty PVR chưa trả tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy cần buộc Công ty PVR phải thanh toán trả Tổng PVC số tiền nợ do nhận chuyển nhượng cổ phần là 18.000.000.000đồng (*Mười tám tỷ đồng*).

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán trả nợ tiền cổ tức năm 2011, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và việc xác nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều thể hiện năm 2011 Tổng PVC là cổ đông của Công ty PVCR và được hưởng cổ tức năm 2011 là 9.075.990.000đồng. Ngày 16/02/2013 Công ty PVCR đã trả một phần cổ tức năm 2011 là 3.500.000.000đồng cho Tổng PVC, số tiền cổ tức còn nợ lại là 5.575.990.000đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/7/2015 và Biên bản làm việc ngày 08/12/2015, Công ty PVCR đều xác nhận số tiền nợ cổ tức năm 2011 của Tổng PVC là 5.575.990.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận cho đến nay Công ty PVR vẫn còn nợ Tổng PVC số tiền này, do vậy cần buộc Công ty PVR phải thanh toán trả Tổng PVC số tiền nợ cổ tức từ năm 2011 là 5.575.990.000đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

- Đối với số tiền lãi của Hợp đồng 76: Căn cứ khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng số 76 quy định Công ty PVCR thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho



th

Tổng PVC chậm nhất là ngày 31/03/2012. Do đó ngày 01/4/2012 là ngày bắt đầu Công ty PVCR vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tính đến ngày 12/03/2024 là 4363 ngày, được tính $18.000.000.000 \text{ đồng} * (9\%/365 \text{ ngày}) * 4363 \text{ ngày} = 19.364.547.945 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền lãi do chậm trả tiền cổ tức năm 2011: Căn cứ Nghị quyết số: 28/NQ-HĐQT-PVCR ngày 15/02/2012 của HĐQT Công ty PVR về việc phê duyệt gia hạn thời gian chi trả cổ tức năm 2011, Công ty PVR ấn định thời gian chi trả cổ tức năm 2011 là ngày 05/07/2012. Vì vậy kể từ ngày 06/07/2012 là ngày Công ty PVR bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 16/02/2013, PVR đã trả một phần cổ tức năm 2011 cho PVC với số tiền là 3.500.000.000 đồng, do đó số ngày vi phạm chậm trả tiền từ ngày 06/07/2012 đến ngày 16/02/2013 là 225 ngày sẽ là $9.075.990.000 \text{ đồng} * 9\%/365 \text{ ngày} * 225 \text{ ngày} = 503.530.952 \text{ đồng}$. Kể từ ngày 17/02/2013 số tiền tức năm 2011 Công ty PVR còn nợ là 5.575.990.000 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/03/2024 là 4041 ngày, được tính $5.575.990.000 \text{ đồng} * 9\%/365 \text{ ngày} * 4041 \text{ ngày} = 5.555.977.543 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi suất của hai giai đoạn là: $503.530.952 \text{ đồng} + 5.555.977.543 \text{ đồng} = 6.059.508.495 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Hợp đồng 76 hai bên có quy định về thời hạn trả tiền và thời hạn được coi là việc chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên Hợp đồng không quy định về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 quy định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự như sau “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ Điều 1 Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam năm 2010 là 9,0% năm.

Thấy rằng việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn nên sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền gốc chậm trả tương ứng với thời chậm trả. Nguyên đơn tính lãi chậm trả của Hợp đồng 76 và tiền nợ cổ tức theo mức lãi suất cơ bản quy định tại Quyết định 2868 của Ngân hàng nhà nước 9%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cần buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024 của Hợp đồng 76 là 19.364.547.945 đồng; tiền lãi của số tiền nợ cổ tức năm 2011 là 6.059.508.495 đồng, tổng cộng tiền lãi là 25.424.056.440 đồng.

[2.4] Buộc Công ty PVR phải thanh toán trả cho Tổng PVC tổng số tiền nợ theo Hợp đồng 76 và tiền nợ cổ tức năm 2011, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12/3/2024 là **49.000.046.440 đồng** (trong đó tiền nợ gốc: 23.575.990.000 đồng, tiền lãi 25.424.056.440 đồng).

[2.5]. Nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại đối với Công ty PVR, do vậy cần đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.6]. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 122, 290, 305, 401 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; 271; 273; 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 79, 84, 86, 87 Luật doanh nghiệp 2005;
- Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam đối với Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội.

[2]. Buộc Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội phải thanh toán trả Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024 gồm:

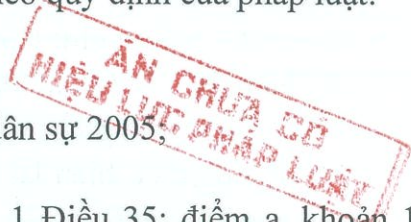
- Tiền nợ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 76/2011/PVC-PVR ngày 05/12/2011 là **37.364.547.945 đồng**; (trong đó tiền gốc là 18.000.000.000 đồng, tiền lãi là 19.364.547.945 đồng).

- Tiền nợ cổ tức năm 2011 là **11.635.498.495 đồng**, (trong đó tiền gốc là 5.575.990.000 đồng, tiền lãi là 6.059.508.495 đồng).

Tổng cộng là **49.000.046.440 đồng** (Bốn mươi chín tỷ, không trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng); Trong đó tiền nợ gốc là 23.575.990.000 đồng (Hai mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi năm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi là 25.424.056.440 đồng (Hai mươi năm tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, không trăm năm sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng).

[3]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam đối với Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[4]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được Thi hành án có đơn xin thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải



chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư PVR Hà Nội phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 157.000.000đồng (*một trăm năm mươi bảy triệu đồng*). Hoàn trả lại Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam số tiền 65.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số 0007541 ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Thanh Xuân;
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Hoàng Thị Thoa